



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5900189364 do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 27/05/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/06/2013)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: 616/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3 toà nhà ACB, số 10 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39429396

Fax: 04.39429408

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: 105 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (059) 371 5390

Fax: (059) 371 5389

Người công bố thông tin : Ông Nguyễn Văn Năm

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (059) 371 5390



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5900189364 do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 27/05/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/06/2013)



SONG DA 3

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 15.999.356 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 159.993.560.000 VND (Một trăm năm mươi chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K

Địa chỉ: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84- 4) 6251 0008 Fax: (84- 4) 6251 1327

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB - ACBS

Trụ sở chính: 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 44043054 Fax: (84-8) 44043085

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3 Toà nhà ACB, số 10 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39429396 Fax: 04.39429408

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. <i>Rủi ro về kinh tế</i>	6
2. <i>Rủi ro về pháp luật</i>	7
3. <i>Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh</i>	8
4. <i>Rủi ro khác</i>	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
1. Tổ chức đăng ký giao dịch:	8
2. Tổ chức Tư vấn : Công ty TNHH Chứng khoán ACB	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	10
1. <i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i>	10
2. <i>Cơ cấu tổ chức của công ty</i>	12
3. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành của công ty</i>	14
4. <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ</i>	15
5. <i>Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:</i>	17
5.1 Công ty mẹ:	17
5.2 Công ty con; Công ty liên kết:	17
a. Công ty con:	17
b. Công ty liên kết:	17
6. <i>Hoạt động kinh doanh</i>	17

Sản phẩm dịch vụ chính _____	17
* Danh mục các sản phẩm dịch vụ _____	17
* Sản lượng sản phẩm/Giá trị dịch vụ qua các năm: _____	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: _____	20
7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh: _____	20
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo _____	21
8. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành _____	22
8.1 Vị thế của Công ty trong cùng ngành _____	22
8.2 Triển vọng phát triển của ngành _____	22
9. Chính sách đối với người lao động _____	23
10. Chính sách cổ tức _____	26
11. Tình hình hoạt động tài chính _____	26
Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012 _____	30
(*) Do lợi nhuận sau thuế của năm 2011 âm nên không tính các hệ số về khả năng sinh lời của năm 2011. _____	30
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng _____	30
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty) _____	40
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2013-2015 _____	41
15. Thông tin về các cam kết nhưng chưa được thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch _____	43
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty _____	43
1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông. _____	44
2. Mệnh giá : 10.000 đồng _____	44
3. Mã chứng khoán : SD3 _____	44
4. Tổng số chứng khoán ĐKGD : 15.999.356 cổ phiếu _____	44



5. Phương pháp tính giá	44
4.1 Giá trị sổ sách	44
4.2 Giá tham chiếu	44
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	45
7. Các loại thuế có liên quan	45
o Tổ chức tư vấn	46
o Tổ chức kiểm toán	46
VII. PHỤ LỤC	47

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khai thác, chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng của Công ty chịu sự ảnh hưởng thuận chiều bởi tình hình tăng trưởng chung của nền kinh tế và ngành xây dựng, đặc biệt là xây dựng thủy điện.

Theo các chuyên gia kinh tế, sau cuộc khủng hoảng suy thoái toàn cầu thì trong những năm tới nền kinh tế Việt Nam sẽ có thể hồi phục sớm hơn so với những nền kinh tế khác trong khu vực cũng như trên thế giới và giữ được tốc độ tăng trưởng cao ở mức từ 6% trở lên. Cung cầu về điện trong nền kinh tế hiện nay đang ở tình trạng mất cân bằng, cung nhỏ hơn cầu. Do vậy, định hướng của Đảng và Nhà nước trong những năm tới sẽ đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nguồn điện đặc biệt là thủy điện trên cả nước mà Miền Trung là một trọng điểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng thủy điện.

Nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tới sẽ rất khả quan do ảnh hưởng tích cực từ triển vọng hồi phục và phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xây dựng thủy điện nói riêng tạo rất nhiều điều kiện và cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp ngành xây dựng.

Rủi ro lạm phát:

Với việc chạy theo mục tiêu tăng trưởng cao trong một giai đoạn dài thường kèm theo rủi ro lạm phát, ảnh hưởng tiêu cực tới những vấn đề an sinh xã hội như gia tăng chi phí sinh hoạt của người tiêu dùng, tăng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp, gây mất ổn định tới cuộc sống xã hội, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Để giải quyết và kiềm chế được lạm phát, Chính phủ buộc phải thực thi nhiều biện pháp liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ thắt chặt. Do vậy, trong giai đoạn này, hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp thường sẽ trở nên càng khó khăn hơn trước.

Rủi ro lãi suất:

Trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng tuy đã giảm mạnh do tình hình lạm phát đã được Chính phủ kiểm soát xuống dưới 1 con số. Điều này cũng làm cho chi phí tài chính của doanh nghiệp giảm xuống đáng kể. Tuy nhiên, với mức lãi suất như hiện nay, việc các doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn vay mới vẫn còn rất nhiều khó khăn do chính sách thận trọng của toàn hệ thống ngân hàng khi đang tập trung để xử lý vấn đề nợ xấu. Đồng thời, vấn đề ổn định được lãi suất trong một thời gian dài cũng là một vấn đề nan giải. Nếu các doanh nghiệp không có những biện pháp chủ động đối phó với những sự biến động về lãi suất thì cũng có thể dẫn đến những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro về pháp luật

Các yếu tố luật pháp, chính trị là môi trường hoạt động và có ảnh hưởng sâu rộng, tác động đến Công ty theo các hướng khác nhau, chúng có thể tạo cơ hội nhưng cũng có thể là trở ngại cho Công ty.

Là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các chính sách của Chính phủ liên quan đến phát triển ngành xây dựng như: Luật xây dựng, luật đấu thầu, luật đầu tư, Nghị định số 15/2013/NĐ - CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 08/2005/NĐ - CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 126/2004 NĐ - CP về xử phạt vi phạm hành chính trong xây dựng...

Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang hợp pháp thông thoáng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội và Nhà nước đã ban hành nhiều bộ luật mới tạo điều kiện thông thoáng cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển ngành điện từ năm 2006 đến năm 2015 và xét đến năm 2025. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như Công ty cổ phần Sông Đà 3 nói riêng. Tuy nhiên nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Để hạn chế các ảnh hưởng này, Công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, các công trình hoàn thành thường bị chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, hệ quả là Công ty thường xuyên phải duy trì hệ số nợ ở mức cao với tỷ trọng nợ ngắn hạn là chủ yếu để tài trợ vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh thường ngày. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng đưa ra biện pháp thu hồi công nợ hiệu quả, hạn chế tối đa nguồn vốn bị chiếm dụng. Mặt khác, Công ty sẽ tái cấu trúc lại nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng các nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn để có thể chủ động về tài chính khi chủ đầu tư chậm thanh toán các khoản nợ.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh bùng phát trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch:

Ông Nguyễn Văn Bình	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Năm	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc An	Chức vụ: Quyền Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Đình Tứ	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức Tư vấn : Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Đại diện: Ông Phạm Phú Khôi – Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của Hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 3. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản công bố

thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 3 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
Công ty/ Tổ chức đăng ký giao dịch	Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Bản công bố thông tin	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Ban kiểm soát	Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Ban Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Vốn điều lệ	Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
SGDCKHN:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Đăng ký giao dịch:	Đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Công ty:	Công ty Cổ phần Sông Đà 3
HĐQT:	Hội đồng quản trị
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH Chứng khoán ACB
LNST	Lợi nhuận sau thuế

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
BCTC:	Báo cáo tài chính
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
BKS:	Ban kiểm soát
KTT:	Kế toán trưởng
DTT:	Doanh thu thuần
VSD	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Giới thiệu về công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sông Đà 3
- Tên Tiếng Anh : Song Da 3 Joint Stock Company
- Trụ sở chính : Số 105 Phạm Văn Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (059) 371 5390 Fax: (059) 371 5389
- Website : <http://www.songda3.vn>
- Email : info@songda3.vn
- Người đại diện : Nguyễn Văn Năm Chức vụ: Tổng Giám đốc



- Logo Công ty : SONG DA 3

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5900189364 do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 27/05/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/06/2013.
- Vốn điều lệ: 159.993.560.000 VND.

Lịch sử hình thành và phát triển

Thực hiện chủ trương của Chính Phủ về sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Sông Đà 3 đã tiến hành thực hiện các bước sắp xếp lại đơn vị theo Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 hướng dẫn thi hành Nghị định Số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 nói trên, để chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Ngày 01/01/2006, Công ty Sông Đà 3 chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 2372/QĐ-BXD ngày 26/12/2005.

Ngày 25/12/2006 Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là SD3, số lượng cổ phiếu niêm yết là 2.000.000 cổ phiếu, tương ứng với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Năm 2007, Công ty đã thực hiện phát hành ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 79.996.780.000 đồng.

Năm 2010, Công ty tiếp tục được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng và công ty đã thực hiện thành công chào bán cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 159.993.560.000 đồng.

Năm 2012, do vi phạm quy định về công bố thông tin, ngày 26/9/2012, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 376/QĐ-SGDHN việc hủy niêm yết bắt buộc với cổ phiếu SD3. Cổ phiếu SD3 chính thức bị hủy niêm yết từ ngày 26/10/2012.

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống 25 năm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khai thác, chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thực hiện nhiều dự án, công trình trọng điểm của Quốc gia, có ý nghĩa chính trị về quan hệ ngoại giao của Chính Phủ. Công ty không ngừng phát triển về mọi mặt cả về quy mô tổ chức, năng lực, ngành nghề cũng như phạm vi hoạt động. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, do những biến động của kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng có những ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- ✓ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật
- ✓ Đường dây và trạm biến thế điện
- ✓ Đầu tư xây dựng và khai thác các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ
- ✓ Đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính



SONG DA 3

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

✓ Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

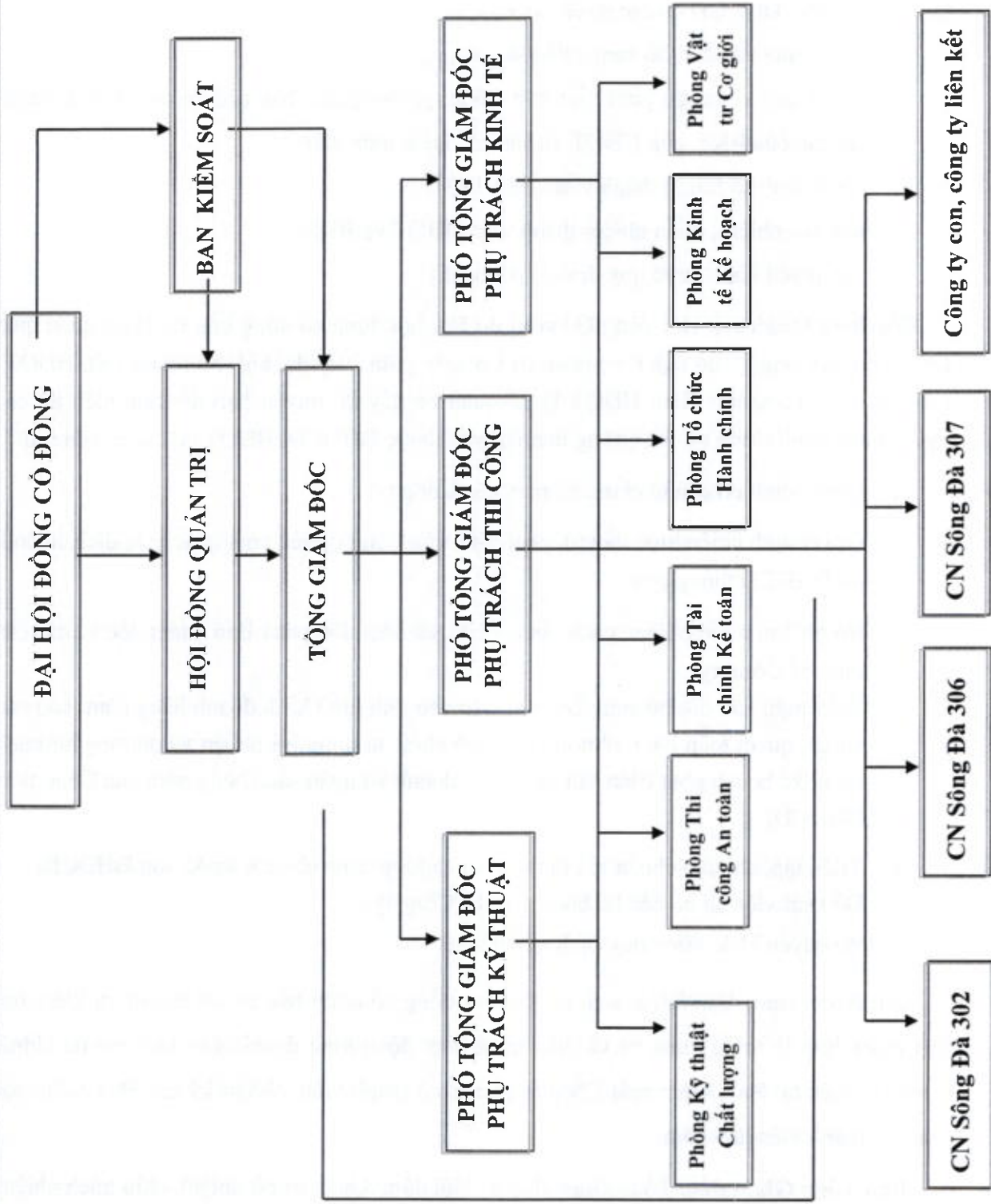
❖ **Quá trình tăng vốn điều lệ:**

- **Lần 1:** Năm 2007, tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ lên 79.996.780.000 đồng
 - + Chào bán cho cổ đông hiện hữu 2.740.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 100:137 với giá 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Phát hành 260.000 cổ phiếu thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:13.
- **Lần 2:** Năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 79.996.780.000 đồng lên 159.993.560.000 đồng. Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phần.

2. Cơ cấu tổ chức của công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH-11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3



3. Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành của công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa 2 kỳ đại hội. Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, các báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị

- quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
 - Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng văn phòng đại diện;
 - Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
 - Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
 - Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Các phòng ban và các chi nhánh trực thuộc: Nhóm này trực tiếp tiến hành các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phòng nghiệp vụ gồm có các Trưởng, Phó trưởng phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng và dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các Chi nhánh xây lắp trực thuộc thay mặt Công ty thực hiện các dự án, các hạng mục công trình, hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình theo phân cấp quản lý, tự chịu trách nhiệm về lĩnh vực được giao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 14/03/2013:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà HH4 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	8.160.000	51%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cung cấp

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 14/03/2013:



SONG DA 3

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà HH4 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	8.160.000	51%
2	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	5900305243	Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.	200.000	1,25%
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4400135552	Xã Ia Khai, Huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai	400.000	2,5%

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5900189364 do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 27/05/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/06/2013. Theo điều 84 khoản 5 Luật Doanh Nghiệp quy định: “Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Như vậy, tính đến thời điểm 27/05/2008, các hạn chế đối với việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 đã được bãi bỏ.

4.3 Cơ cấu cổ đông của công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 14/03/2013

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
1	Cổ đông nước ngoài	25	477.796	4.777.960.000	2,98%
	Tổ chức	2	14.800	148.000.000	0,09%
	Cá nhân	23	462.996	4.629.960.000	2,89%
2	Cổ đông trong nước	2.197	15.521.560	155.215.600.000	97,02%
	Tổ chức	23	8.999.419	89.994.190.000	56,25%
	Cá nhân	2.174	6.522.141	65.221.410.000	40,76%
	Cộng	2.222	15.999.356	159.993.560.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:

5.1 Công ty mẹ:

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là Tổng công ty Sông Đà

STT	Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty Sông Đà	Tòa nhà HH4 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	04.3854 1164	Xây dựng	51%

5.2 Công ty con; Công ty liên kết:

a. Công ty con:

Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đắklô

Địa chỉ: Thôn Măng Đen, Xã Đăk Long, Huyện Kom Plông, Tỉnh Kon Tum

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện.

Vốn điều lệ: 212.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 cam kết góp: 209.817.920.000 đồng, các cổ đông khác góp 2.182.080.000 đồng.

Tính đến thời điểm 30/06/2013, tổng giá trị vốn thực góp tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đắklô của các cổ đông là 103.426.720.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Sông Đà 3 đã góp 101.244.640.000 đồng, chiếm 97,89% vốn điều lệ thực góp; Các cổ đông cá nhân khác đã góp 2.182.080.000 đồng, chiếm 2,11 % vốn điều lệ thực góp.

b. Công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty liên kết nào.

6. Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm dịch vụ chính

* Danh mục các sản phẩm dịch vụ

Trải qua 25 năm kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là một trong những đơn vị có thể

mạnh trong lĩnh vực thi công các công trình thủy điện, thủy lợi và cơ sở hạ tầng. Các sản phẩm chính của Công ty có thể chia ra thành những nhóm như sau :

a) Các sản phẩm thuộc hoạt động xây lắp:

Là các sản phẩm sinh ra từ các hoạt động xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, đường xá, cầu cống, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Theo nhóm này, các sản phẩm của Công ty tồn tại dưới dạng các công trình, khối lượng xây lắp đơn lẻ, sản xuất theo các hợp đồng và yêu cầu của khách hàng, cụ thể là như :

- ✓ Các công trình thủy điện: đập dâng, hồ chứa nước, hệ thống đường giao thông, nhà xưởng, các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ,...;
- ✓ Hệ thống đường dây và các trạm biến thế điện;
- ✓ Hệ thống nền móng các công trình;
- ✓ Các sản phẩm xây dựng dân dụng: Nhà ở, các công trình kiến trúc, văn phòng làm việc.

b) Các sản phẩm thuộc hoạt động sản xuất công nghiệp

Là các sản phẩm đá nguyên liệu, được khai thác dưới dạng thô, kích thước lớn từ thiên nhiên. Sau đó, chúng được đưa vào chế biến qua dây chuyền nghiền sàng của Công ty và trở thành các nguyên liệu phục vụ cho ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Các sản phẩm điển hình là:

- ✓ Cấu kiện bê tông, đường ống cấp nước, cấu kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- ✓ Các loại vật liệu phục vụ xây dựng: Đá, cát, sỏi.

c) Kinh doanh vật tư và thiết bị xây dựng

Ngoài các hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp. Hiện nay, Công ty đang thực hiện cung cấp các loại vật tư và vật liệu xây dựng cho các nhà thầu và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp trên địa bàn.

Các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ qua tất cả các công đoạn sản xuất, các bộ phận giám sát theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, đáp ứng được mục tiêu chất lượng mà Ban lãnh đạo Công ty đề ra, ngày càng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và tạo dựng uy tín vững chắc cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

*** Sản lượng sản phẩm/Giá trị dịch vụ qua các năm:**

a) Cơ cấu doanh thu của từng nhóm sản phẩm, dịch vụ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu Công ty mẹ	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động xây lắp	178.721	94,8%	175.578	95,7%	100.617	77,5%
Bán hàng và cung cấp	9.779	5,2%	7.880	4,3%	29.185	22,5%

dịch vụ						
Tổng cộng	188.500	100%	183.458	100%	129.802	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty mẹ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động xây lắp	141.043	93,5%	148.012	94,9%	89.799	75,5%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.779	6,5%	7.880	5,1%	29.185	24,5%
Tổng cộng	150.822	100%	155.892	100%	118.984	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013.

b) Lợi nhuận gộp của từng nhóm sản phẩm, dịch vụ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu Công ty mẹ	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp Hoạt động xây lắp	29.640	94,5%	11.398	82,3%	19.678	80,3%
Lợi nhuận gộp Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.720	5,5%	2.447	17,7%	3.502	19,7%
Tổng cộng	31.360	100%	13.845	100%	23.180	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty mẹ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2011		Năm 2012		6 tháng năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động xây lắp	21.487	96,6%	10.742	81,5%	10.410	56,1%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	752	3,4%	2.447	18,5%	8.152	43,9%
Tổng cộng	22.239	100%	13.195	100%	18.562	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh:

Bảng 5: Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011, 2012, 6 tháng năm 2013

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu Công ty mẹ	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	6tháng năm 2013
Tổng giá trị tài sản	584.645	550.677	-5,8%	577.550
Doanh thu thuần	188.500	183.458	-2,7%	129.802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 9.749	4.235	-	4.095
Lợi nhuận khác	- 289	- 2.575	-	- 196
Lợi nhuận trước thuế	- 10.038	1.660	-	3.899
Lợi nhuận sau thuế	- 10.038	1.660	-	3.899
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	6tháng năm 2013
Tổng giá trị tài sản	571.835	608.496	6,41%	660.747
Doanh thu thuần	150.822	155.891	3,36%	118.984
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 18.900	3.575	-	- 630
Lợi nhuận khác	- 259	- 2.564	-	328
Lợi nhuận trước thuế	- 19.159	1.010	-	- 302
Lợi nhuận sau thuế	- 16.879	1.172	-	747
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty:

Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 (hợp nhất và của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sông Đà 3), Công ty kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K đã đưa ra ý kiến về việc các kiểm toán viên không thể tham gia kiểm kê, đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ, các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không thể xác định được tính đúng đắn của khoản mục này. Vì vậy, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính của Công ty năm 2012.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

Công ty cổ phần Sông Đà 3 là đơn vị thành viên nòng cốt của Tổng Công ty Sông Đà, nên ngoài các công trình mà Công ty chủ động tham gia và trúng thầu thì Công ty cổ phần Sông Đà 3 còn được Tổng Công ty tin cậy giao cho nhiều công trình trọng điểm.

Với bề dày kinh nghiệm 25 năm hoạt động, Công ty cổ phần Sông Đà 3 đã chiếm lĩnh thị trường khu vực Miền trung và Tây Nguyên trong nhiều năm nay. Vì thế Công ty có rất nhiều lợi thế trong việc tham gia đấu thầu các dự án cũng như trong quá trình thi công xây lắp.

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, có kinh nghiệm lâu năm, có kiến thức sâu rộng về máy móc thiết bị và địa hình khu vực Miền Trung Tây Nguyên, giúp cho Công ty luôn thực hiện tốt các yêu cầu của chủ đầu tư và đảm bảo cho các sản phẩm của Công ty đạt chất lượng tốt nhất, với thời gian thi công nhanh nhất.

Công ty có một loạt các nhà cung cấp nguồn nguyên vật liệu đầu vào là những bạn hàng lâu năm nên Công ty đã chủ động được phần lớn lượng vật tư và các chi phí đầu vào khác trên cơ sở chào giá cạnh tranh của các đối tác cung cấp làm giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh.

Sự chỉ đạo và đề ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cấp lãnh đạo Tổng công ty và bản thân Công ty nói riêng là nhân tố làm nên thắng lợi của Công ty trong năm qua.

Khó khăn

Xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế, hội nhập với khu vực và quốc tế làm tăng sức ép cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thiếu vốn và khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh như: Đổi mới máy móc thiết bị, góp vốn xây dựng các công trình lớn. Điều này làm hạn chế tính cạnh tranh của Công

ty so với các đơn vị bạn.

Địa bàn thi công dần trải gây khó khăn cho công tác quản lý và điều hành, kéo theo bộ máy mở rộng làm phát sinh chi phí quản lý

Giá cả các loại nhiên liệu trên thị trường phụ thuộc vào sự biến động của giá cả trên thế giới. Trong thời gian qua giá cả nhiên liệu luôn có xu hướng biến động tăng, làm gia tăng chi phí hoạt động của máy móc thiết bị, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng.

8. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong cùng ngành

Với thế mạnh là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong lĩnh vực xây lắp, cộng thêm bề dày kinh nghiệm của cán bộ công nhân viên trong Công ty, nên Công ty luôn tham gia và thắng thầu các công trình lớn trong khu vực. Đến nay, Công ty đã trở thành một trong những đơn vị xây dựng hàng đầu trong khu vực Miền Trung, tạo được uy tín lớn trong ngành xây dựng. Trong thời gian tới, Công ty khẳng định sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh và duy trì vị thế dẫn đầu khu vực của mình, mang lại lợi ích kinh tế xã hội toàn diện cho vùng, ngành mà Công ty có công trình phục vụ và lợi ích cho toàn thể cổ đông của Công ty.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm giai đoạn từ 2002 – 2007 khá cao và ổn định. Tuy nhiên, trong 5 năm giai đoạn từ 2008 – 2012, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn với sự gia tăng lạm phát ở mức hai con số và ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới dẫn tới GDP giảm xuống mức trên dưới 5%. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 sẽ vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu dự báo GDP trong năm 2013 ở mức 5,4%. Với quan hệ thuận chiều giữa nền kinh tế và ngành xây dựng thì sự phát triển lạc quan của nền kinh tế sẽ kéo theo một bức tranh sáng sủa về triển vọng phát triển của ngành xây lắp, xây dựng dân dụng và ngược lại nền kinh tế suy giảm sẽ gây ảnh hưởng xấu tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Với việc nền kinh tế đang có nhiều dấu hiệu hồi phục, Việt Nam trong thời gian tới sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài mạnh dạn đầu tư, hàng loạt các dự án lớn được cấp phép hoạt động vào các ngành nghề truyền thống cũng như các ngành nghề mới tạo ra một thị trường rộng lớn trong lĩnh vực nhận thầu thi công xây lắp các công trình hạ tầng và công nghiệp. Điều này tạo ra một nhu cầu lớn về xây dựng cơ bản cũng như về nhu cầu nguyên vật liệu cho các công trình đó.

Nhìn vào thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu, bởi vì mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng nhanh từ 15% đến 17%/năm so với mức tăng trung bình trên thế giới

2,3% năm. Nguồn điện năng trên thị trường hiện nay được cung cấp từ rất nhiều nguồn: nhiệt điện, thủy điện, diesel tua bin, khí...

Theo quy hoạch phát triển ngành điện Việt Nam từ 2006 đến 2015 có xét đến 2025 dự báo nhu cầu điện năng ở Việt Nam gia tăng ở mức 17%/năm. Do đó nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình nhà máy thủy điện trong thời điểm hiện tại là hết sức cấp thiết. Theo EVN tổng công suất các nhà máy điện phải đạt mức 42.000 MW vào năm 2015 và lên đến 62.000 MW vào 2020 và 89.000 MW năm 2025. Do đó trong giai đoạn này cần phải xây dựng thêm 74 nhà máy và trung tâm điện lực với tổng công suất lên đến 81.000 MW.

Ngành thi công và kinh doanh các công trình thủy điện, là ngành có mối quan hệ chặt chẽ với ngành xây dựng, đặc biệt là xây lắp thủy lợi. Với chiến lược đầu tư phát triển nguồn thủy điện của Nhà nước sẽ mở ra cơ hội rất lớn cho các Công ty hoạt động trong ngành này.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề trong đó xây dựng cơ bản và công nghiệp năng lượng là hai ngành luôn đi tiên phong so với các lĩnh vực khác. Nhận biết được tầm quan trọng đó, trong giai đoạn tới Nhà nước đã xác định tập trung vào phát triển mạnh mẽ lưới thủy điện là lĩnh vực mà chúng ta có tiềm năng để khai thác. Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo ban lãnh đạo Công ty định hướng tiếp tục phát huy kinh nghiệm và năng lực của mình vào lĩnh vực xây dựng trong đó xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, giao thông và các công trình Thủy điện làm chủ lực.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số người lao động trong công ty:

Bảng 6: Tình hình lao động tính đến ngày 30/06/2013

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ trên tổng số CBCNV (%)
1	Đại học và trên đại học	60	8,58
2	Cao đẳng, trung cấp	52	7,44
3	Công nhân kỹ thuật	567	81,12
4	Lao động phổ thông, thời vụ	20	2,86
	Tổng	699	100%
	Hợp đồng không xác định thời hạn	296	42,35
	Hợp đồng có thời hạn	403	57,65

Trải qua quá trình hoạt động lâu dài, Công ty không ngừng phát triển không những về năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, hay uy tín trên thị trường xây dựng mà còn về số lượng và chất lượng của lực lượng lao động trong Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ và quyền lợi đối với người lao động

9.2 Chính sách đối với người lao động

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

9.2.1 Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc của Cán bộ công nhân viên được đảm bảo đúng số lượng giờ theo quy định của Luật lao động và Công ty.
- Các cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động và các dụng cụ, thiết bị an toàn vệ sinh lao động chống bụi, chống độc....
- Người lao động trong Công ty được hưởng các khoản trợ cấp, thưởng và được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được Công ty mua bảo hiểm thân thể và các chế độ khác đầy đủ theo quy định hiện hành của Luật Lao động.

9.2.2 Chính sách lương thưởng

Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương áp dụng cho toàn bộ CBCNV trong Công ty, đồng thời thực hiện các chế độ về tiền lương, tiền thưởng trả cho người lao động theo quy chế và đúng kỳ hạn.

Công ty có chính sách động viên người lao động làm việc bằng các chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các nghiên cứu sản phẩm mới giúp Công ty đem lại hiệu quả trong kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời Công ty cũng đưa ra các quy định xử phạt đối với các cán bộ công nhân viên có hành vi làm ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty, hay đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty đã và đang thực hiện các chính sách về nhân sự nhằm khuyến khích và thu hút lực lượng lao động có chất lượng cao vì mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Đối với lực lượng cán bộ quản lý và kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng thoả đáng theo hướng khuyến khích họ làm việc có hiệu quả cao và tạo điều kiện để họ gắn bó lâu dài với Công ty.

Hệ thống lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thâm niên và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc thông qua quy chế tiền lương được Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng hàng năm. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước và điều lệ Công ty quyết định. Nhân viên được cấp trưởng đánh giá, xem xét và đề xuất mức lương lên Tổng Giám đốc duyệt. Việc tăng lương được Tổng Giám đốc xem xét hàng tháng dựa trên hiệu quả công việc của từng CBCNV.

9.2.3 Chính sách đào tạo

Song song với công tác khen thưởng và xử phạt, Công ty cũng luôn quan tâm, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ công nhân viên dưới các hình thức: Tổ chức tập huấn, đào tạo cho người lao động được học tập, nâng cao kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị sản xuất; Tổ chức các khóa đào tạo học tập về các công tác xuất nhập khẩu, tài chính kế toán, chứng khoán, quản trị nhân lực, marketing, hệ thống xây dựng và đánh giá quản lý chất lượng, công nghệ thông tin...; Phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức cho cán bộ đi học tập kinh nghiệm, bồi dưỡng nghiệp vụ và nghiên cứu sản phẩm mới; Phối hợp với các cơ quan chức năng để tổ chức đào tạo cán bộ công nhân viên tập huấn về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và tổ chức diễn tập phòng chống cháy, nổ tại Công ty.

Việc đào tạo tại chỗ hoặc được cử đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, đào tạo nâng cao nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo phải đảm bảo hiệu quả chất lượng cho đội ngũ cán bộ công nhân viên cũng như hiệu quả kinh tế Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng thể thức bỏ phiếu, cụ thể như sau:

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Trong hai năm vừa qua, do kết quả kinh doanh đạt được không đạt được kế hoạch đề ra nên Công ty đã không thực hiện việc chia cổ tức cho các cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty theo năm Dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đồng tiền trong Báo cáo tài chính của Công ty trình bày là đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được Công ty ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| ▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc: | 06 - 50 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị: | 03- 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 06 - 30 năm |
| ▪ Thiết bị dụng cụ quản lý: | 03-10 năm |

Thu nhập bình quân:

Mức lương bình quân hàng tháng của công nhân kỹ thuật làm việc trong Công ty là

4.500.000 VND/người/tháng.

b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

c. Các khoản phải nộp theo luật định:

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật.

d. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Tỷ lệ các quỹ trên được Hội đồng Quản trị lập phương án từng năm theo điều lệ Công ty và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.

Tình hình số dư các quỹ của công ty tại một số thời điểm:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2012	31/12/2012	30/06/2013
Thặng dư vốn cổ phần	100.029	100.029	100.029
Quỹ đầu tư phát triển	13.421	13.421	13.421
Quỹ dự phòng tài chính	5.935	5.935	5.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(16.879)	(15.706)	(15.182)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

e. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của công như sau :

Vay và nợ ngắn hạn:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu Hợp nhất	01/01/2012	31/12/2012	30/06/2013
Vay ngắn hạn	84.570	85.173	87.442
Ngân hàng BIDV – CN Gia Lai	69.770	77.173	78.150
Ngân hàng NN&PTNT – CN Gia Lai	10.000	6.000	7.292
Ngân hàng Công thương VN – CN Gia Lai	4.800	2.000	2.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.700	2.816	2.816
Ngân hàng Đầu tư và PT VN – CN Gia Lai	1.700	2.816	2.816
Tổng	86.270	87.990	90.259

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

Vay và nợ dài hạn:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu Hợp nhất	01/01/2012	31/12/2012	30/06/2013
Vay dài hạn			
Ngân hàng đầu tư và PT VN	2.816	-	-
Ngân hàng NN và PTNT Kon Tum	17.345	92.644	116.403
Tổng	20.162	92.644	0

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

f. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu Hợp nhất	01/01/2012	31/12/2012	30/06/2013
Phải thu từ khách hàng	135.305	83.326	69.335
Trả trước cho người bán	37.578	17.649	34.392
Phải thu khác	12.064	8.542	11.836
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.480)	(1.744)	(1.744)
Tổng cộng	183.468	107.774	113.820

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu Hợp nhất	01/01/2012	31/12/2012	30/06/2013
Nợ ngắn hạn	286.473	249.997	277.934
Vay và nợ ngắn hạn	86.270	87.990	90.259
Phải trả người bán	56.725	71.448	93.690
Người mua trả tiền trước	85.799	33.369	27.551
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.560	11.233	11.556
Phải trả người lao động	14.439	19.913	13.377
Chi phí phải trả	5.856	10.267	18.053
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	29.821	15.774	23.516
Nợ dài hạn	0	92.644	116.433
Vay và nợ dài hạn	0	92.644	116.403

Dự phòng trợ cấp mất việc làm	516	0	0
-------------------------------	-----	---	---

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

Các khoản đầu tư dài hạn của công ty tại thời điểm 30/06/2013:

- Công ty cổ phần Sông Đà An Nhân

Địa chỉ : 283/27 Cách mạng tháng 8, phường 12 quận 10, TP HCM

Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng

Giá trị góp vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 3: 29.229.000.000 đồng, chiếm 16,23% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3

Địa chỉ : Thị trấn Eat Linh – Huyện Cư Jút – Đăk Nông

Vốn điều lệ: 112.000.000.000 đồng

Giá trị góp vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 3: 500.000.000 đồng, chiếm 0,45% vốn điều lệ.

g. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,46	1,52
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,81	0,74
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,54	0,56
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,17	1,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	0,69	0,75
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		0,26	0,26
4. Hệ số về khả năng sinh lời (*)			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	0,75
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	0,45

Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	0,20
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	2,29

12.

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012

13. (*) Do lợi nhuận sau thuế của năm 2011 âm nên không tính các hệ số về khả năng sinh lời của năm 2011.

14. **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

➤ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Năm - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Hữu Phước - Thành viên HĐQT
- Ông Võ Thanh Hùng - Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Ngọc Dũng - Thành viên HĐQT

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ **Ông Nguyễn Văn Bình: Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên : Nguyễn Văn Bình
Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 29/08/1973.
Nơi sinh : Hải Dương.
Số CMND : 013104 366. Cấp ngày : 11/07/2008 tại CA Hà Nội
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Hải Dương.
Địa chỉ thường trú : Kinh Môn – Hải Dương
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi .

Quá trình công tác :

- ✓ 1996-1999 : Phòng kinh tế công ty Sông Đà 10, Tổng công ty Sông Đà
- ✓ 1999-2002 : Trưởng phòng kinh tế công ty Sông Đà 5, Tổng công ty Sông Đà
- ✓ 2002 – 2003 : Trưởng phòng kinh tế Ban điều hành dự án thủy điện Sê san 3
- ✓ 2003 – 2008 : Phó giám đốc Ban điều hành dự án thủy điện Plei Krông;
- ✓ 2009-2013 : Giám đốc Ban kinh tế Tổng công ty Sông Đà
- ✓ 2013 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 3
- ✓ Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 3.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 - Đắk Lắk
- ✓ Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.160.000 cổ phần, chiếm 26% số cổ phần đang lưu hành của Công ty, trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 4.160.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Nguyễn Văn Năm: Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Nguyễn Văn Năm

Giới tính : Nam.

Ngày sinh : 15/7/1960.

Nơi sinh : Thanh Hóa.

Số CMND : 017 000 186. Cấp ngày : 15/12/2008 tại CA Hà Nội

Dân tộc : Kinh.

Quốc tịch : Việt Nam.

Quê quán : Thanh Hóa.

Địa chỉ thường trú : P308-CT 1B – Đô thị Văn Quán – Phúc La ; - Hà Đông Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.

Trình độ văn hóa : 10/10.

Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng.

Quá trình công tác :

- ✓ 1980 – 1989 : Phó phòng, khu trưởng Công ty XD Thủy công – Tổng công ty Sông Đà
- ✓ 1990 – 1992 : Đội trưởng Công ty XD Trường Đàng cấmpuchia, Tổng công ty Sông Đà



SONG DA 3

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

- ✓ 1993 – 2007 : Khu trưởng, phó giám đốc, giám đốc xí nghiệp công ty CP Sông Đà 3
- ✓ 2007 – 2010 : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà - Nha Trang
- ✓ 2011-2012 : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 6
- ✓ 2012 - Nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3
- ✓ Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 3.
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 - Đắk Lắk
- ✓ Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.610.000 cổ phần, chiếm 10,06% số cổ phần đang lưu hành của Công ty, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần.
 - Được ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 1.600.000 cổ phần.
 - Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Lê Hữu Phước: Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : Lê Hữu Phước
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 19/05/1965.
- Nơi sinh : Thanh Hóa.
- Số CMND : 171289956. Cấp ngày : 25/06/2008 tại CA Thanh Hóa
- Dân tộc : Kinh.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Quê quán : Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Bim Sơn Thanh Hóa
- Điện thoại : 06152 699 968.
- Trình độ văn hóa : 10/10.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- ✓ 2008-2011 : Phó giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3
 - ✓ 2012 – Nay : Phó giám đốc Ban điều hành Đồng Nai 5
 - ✓ Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 3 kiêm Phó giám đốc Ban điều hành Đồng Nai 5.



SONG DA 3

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- ✓ Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Võ Thanh Hùng : Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Võ Thanh Hùng
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 04/1/1980.
Nơi sinh : Bình Minh- Bình Sơn – Quảng Ngãi.
Số CMND : 2122922501. Cấp ngày : 23/5/2009 tại CA Quảng Ngãi
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Quảng Ngãi.
Địa chỉ thường trú : 176/6 Đường Âu Cơ – TP Pleiku Gia Lai
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi
Quá trình công tác :
✓ 2008 – 2011 : Trưởng phòng kỹ thuật chất lượng;
✓ 2011 – 2013 : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đắk Lắk
✓ Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kỹ thuật chất lượng Công ty cổ phần Sông Đà 3.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Vũ Ngọc Dũng : Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Vũ Ngọc Dũng
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 25/5/1976
Nơi sinh : Bệnh viện Sông Đà – Thành phố Hòa Bình
Số CMND : 113 000 191 Cấp ngày 05/03/2007 Tại CA TP Hòa Bình
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Quang Khai – Tứ Kỳ - Hải Dương
Địa chỉ thường trú : Tổ 14 Phường Tân Hòa – Thành phố Hòa Bình
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử Nhân kinh tế
Quá trình công tác :
✓ 12/2010 – 01/2013 : Phó giám đốc Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na TCT Sông Đà
✓ 01/2013 – 05/2013 : Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ hiện tại : Phó tổng giám đốc kiêm Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 3.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.600.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty, trong đó: .

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 1.600.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: không.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

➤ **BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên:

- Ông Nguyễn Đình Tứ – Trưởng BKS

- Ông Đặng Bá Điền – Thành viên
- Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên
- Ông Nguyễn Đình Tứ – Trưởng BKS

Họ và tên : Nguyễn Đình Tứ
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 01/08/1976
Nơi sinh : Vũ Thư – Thái Bình
Số CMND : 112330981
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Bách Thuận – Vũ Thư – Thái Bình
Địa chỉ thường trú : Số 4 LK10 – Khu đô thị Văn Khê – P. La Khê – Q. Hà Đông – Hà Nội
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :
✓ 2009-2012 : Công ty Tài chính Sông Đà – TCT Sông Đà
✓ 2012 - Nay : Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5 – TCT Sông Đà
✓ Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 3 kiêm Kế toán trưởng BKH Dự án thủy điện Đồng Nai 5.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ: 800.000 cổ phần, chiếm 5% số cổ phần đang lưu hành của Công ty, trong đó:
• Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
• Được ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 800.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan với Công ty : Không

➤ Ông Đặng Bá Điền : Thành viên BKS

Họ và tên : Đặng Bá Điền



SONG DA 3

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Công ty Cổ phần Sông Đà 3

Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 24/8/1967.
Nơi sinh : Hà Nội.
Số CMND : 011567 120. Cấp ngày : 14/09/2011 tại CA Hà Nội
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Hà Nội.
Địa chỉ thường trú : Xã Việt Hùng – Đông Anh – Hà Nội
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Công Nghiệp.
Quá trình công tác :
2009-2010 : Phó giám đốc CN Công ty CP Thương mại sông Đà Tại Đồng Nai
2011-2012 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển Vân Phong
2012 - Nay : Thư ký HĐQT, Trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ hiện tại : Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 3, Thư ký HĐQT, Trưởng phòng TCHC Công ty Sông Đà 3.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.
Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
• Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.
Các khoản nợ đối với Công ty: không.
Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên BKS**

Họ và tên : Nguyễn Trung Kiên
Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 10/02/1982.
Nơi sinh : Nam Định.



Số CMND : 162 436 088. Cấp ngày : 08/10/1999 tại CA Nam Định
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Nam Định.
Địa chỉ thường trú : Trực Ninh – Nam Định
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế .

Quá trình công tác :

2009-2012 : Phó giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 3.03

2012 - Nay : Phó trưởng phòng KTKH Công ty cổ phần Sông Đà 3

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó trưởng phòng KTKH Công ty cổ phần Sông Đà 3.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

• Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.

- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 04 thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Năm – Tổng Giám đốc
Thông tin như trên
- Ông Vũ Ngọc Dũng – Phó Tổng Giám đốc
Thông tin như trên
- Ông Phí Đình Mạnh – Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Bùi Hữu An – Phó Tổng Giám đốc

➤ Ông Bùi Hữu An - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Bùi Hữu An
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 03/02/1962.
Nơi sinh : Thanh Hóa.
Số CMND : 231066978. Cấp ngày : 04/7/2011 tại CA Gia Lai
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Thanh Hóa.
Địa chỉ thường trú : Tổ 12 Phường Hoa Lư – TP. Pleiku – Gia Lai.
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Mỏ.
Quá trình công tác :
1985-1989 : Phòng thiết kế Công ty Xây dựng công trình ngầm TCT Sông Đà;
1989-2002 : Giám đốc CN Tại Miền trung, Công ty Tư vấn Sông Đà TCT Sông Đà
2002-2008 : Phó giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Sê San 3A
2008-2012 : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần sông Đà Nha Trang
2012- nay : Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
• Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.
Các khoản nợ đối với Công ty: không.
Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **Ông Phí Đình Mạnh - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Phí Đình Mạnh
Giới tính : Nam

Ngày sinh : 09/11/1971.
Nơi sinh : Hà Tây.
Số CMND : 112476961. Cấp ngày : 29/11/2007 tại CA Hà Tây
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Hà Tây.
Địa chỉ thường trú : Hương Ngải - Thạch Thất - Hà Nội.
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây Dựng.
Quá trình công tác :
1993-2002 : Nhân viên Phòng Kỹ thuật chất lượng Công ty Sông Đà 3;
2002-2003 : Đội trưởng, Trưởng ban Kỹ thuật Xí Nghiệp 301, Công ty Sông Đà 3
2004-2006 : Phó giám đốc Xí Nghiệp 301, Công ty cổ phần Sông Đà 3
2007-2008 : Giám đốc Xí Nghiệp 301, Công ty cổ phần Sông Đà 3
2008- 2009 : Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 3, kiêm Giám đốc Xí nghiệp 301
2010- 2012 : Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 3, kiêm Giám đốc CTY TNHH
MTV 303
2012- 2013 : Giám đốc Chi nhánh 306, Công ty cổ phần Sông Đà 3
2013- nay : Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
Số lượng cổ phần nắm giữ : 9 cổ phần.
• Sở hữu cá nhân : 9 cổ phần.
• Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác : 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.
Các khoản nợ đối với Công ty: không.
Lợi ích liên quan với Công ty : không.

➤ **PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN:**

➤ Ông Phạm Ngọc An – Quyền Kế toán trưởng

Họ và tên : Phạm Ngọc An
Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 10/11/1981.
Nơi sinh : Hưng Yên.
Số CMND : 145053372. Cấp ngày : 05/12/2007 tại CA Hưng Yên
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Hưng Yên.
Địa chỉ thường trú : Lô 37C – Quyết Tiến – Phường Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội.
Điện thoại cơ quan : 0593 715 389.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.
Quá trình công tác :

2003 – 2005 : Làm việc tại Phòng TCKT Công ty cổ phần Sông Đà 7, Tuyên Quang

2005- 2007 : Trợ lý kiểm toán – Công ty hợp danh kiểm toán và định giá Việt Nam

2007-2013 : Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 706

Chức vụ hiện tại : Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 3.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần đang lưu hành của Công ty, trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty : không.

15. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG (%)
----	-----------	--------------------	---------------------------	-----------------

I	Tài sản cố định hữu hình	143.056	24.557	16,16
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.611	3.867	83,86
2	Máy móc thiết bị	84.341	14.615	17,32
3	Phương tiện vận tải	50.101	5.662	11,30
4	Thiết bị quản lý	897	347	38,68
5	Tài sản cố định khác	95	63	66,3
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Cộng		143.046	24.557	16,16

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012

Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải chiếm tỷ trọng lớn trong TSCĐ hữu hình của Công ty và được đầu tư mới chủ yếu trong những năm 2002 và 2003, có những thiết bị mới được đầu tư năm 2009. Đến hết năm 2012 và những năm tiếp theo, phần lớn TSCĐ sẽ hết khấu hao, chi phí khấu hao giảm sẽ có sự thay đổi đáng kể góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2013-2015

Trên cơ sở phân tích đánh giá môi trường kinh doanh bên ngoài cũng như tiềm lực bên trong Công ty, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 xác định kế hoạch phát triển giai đoạn 2013 – 2015:

Bảng 7: Kế hoạch phát triển giai đoạn 2013 – 2015 của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2012	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2013	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	159.993	0%	159.993	0%	159.993	0%
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	278.515	51,8%	350.000	25,67%	450.000	28,57%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	12.389	646%	17.250	39,24%	22.800	28,57%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,45%	-	4,93%	-	5,07%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (%)	7,74%	-	10,78%	-	14,25%	-

Cổ tức (%)

0

-

10%

10%

12%

2%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 3

Theo Báo cáo tài chính của Công ty, 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã thực hiện được 118.984 triệu đồng doanh thu thuần, đạt 42,72% kế hoạch doanh thu thuần năm 2013, lợi nhuận sau thuế thực hiện được 747 triệu đồng đạt 6,03% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2013.

Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là hoạt động xây lắp các công trình thủy điện, việc quyết toán các công trình, hạch toán giá trị sản xuất kinh doanh, xác định doanh thu và lợi nhuận thường được thực hiện vào thời điểm cuối năm nên kết quả thực hiện tính đến thời điểm giữa năm còn thấp. Với những kết quả đã thực hiện được đến thời điểm hiện tại, Công ty tự tin khẳng định là sẽ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông đã giao cho.

Trong giai đoạn 2013 - 2015, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 đã xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường dựa trên căn cứ từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2012. Các chỉ tiêu của Công ty thể hiện khả năng phát triển ổn định bền vững, có thể thực hiện và tăng trưởng được trong những năm tiếp theo.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Những dự án công ty đã và đang triển khai trong giai đoạn 2009 – 2015:

STT	Tên dự án	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Năm khởi công	Năm dự kiến hoàn thành	Công suất (MW)	Dự kiến Doanh thu thuần năm 2013 (tỷ đồng)
1	Công trình thủy điện Đăklô	258	2009	2014	22	30
2	Công trình thủy điện Xêkaman 1	150	2010	2015	290	70
3	Công trình thủy điện Đồng Nai 5	825	2012	2015	150	200



Ngoài ra, dựa trên những dự báo về nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đang có những tín hiệu hồi phục sau khủng hoảng nói chung và ngành xây dựng nói riêng trong những năm sắp tới, định hướng phát triển ngành xây dựng cùng với việc đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của mình Công ty đã xác định phương hướng nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2013 - 2015 là phấn đấu trở thành một doanh nghiệp với ngành nghề kinh doanh đa dạng, giữ vững ngành nghề truyền thống là kinh doanh xây dựng, trong đó lấy xây dựng dân dụng, giao thông, thủy điện làm chủ lực. Ngoài ra Công ty cũng đã đưa ra định hướng phát triển tới năm 2018 đó là tiếp tục đổi mới, đầu tư tăng cường nội lực, đẩy mạnh thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì lĩnh vực kinh doanh truyền thống là xây dựng thủy điện, đường giao thông, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các công trình.

17. Thông tin về các cam kết nhưng chưa được thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch
Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Các thông tin thu thập được của tổ chức tư vấn đến thời điểm lập Công bố thông tin cho thấy Công ty không vướng vào bất kỳ một vụ tranh chấp, kiện tụng nào và cũng không có thông tin liên quan nào có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của Công ty.

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá : 10.000 đồng
3. Mã chứng khoán : SD3
4. Tổng số chứng khoán ĐKGD : 15.999.356 cổ phiếu
5. Phương pháp tính giá

4.1 Giá trị sổ sách

Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Vốn chủ sở hữu	262.500.216.830	263.673.078.139	264.197.000.317
Số cổ phần đang lưu hành	15.999.356	15.999.356	15.999.356
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	16.407	16.480	16.513

Nguồn : BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2013

4.2 Giá tham chiếu

Theo số liệu thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Giá giao dịch bình quân 10 phiên liên tiếp trước khi cổ phiếu Công ty ngừng giao dịch là: 1.500 đồng/cổ phiếu.

Ngày giao dịch	Giá đóng cửa (đồng)
25/10/2012	1.500
24/10/2012	1.400
23/10/2012	1.400
22/10/2012	1.400
19/10/2012	1.500
18/10/2012	1.500
17/10/2012	1.400
16/10/2012	1.500
15/10/2012	1.400
12/10/2012	1.500
Bình quân	1.450

Căn cứ kết quả trên, Công ty dự kiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SD3 trên sàn Upcom sẽ là 1.500 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo đó thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ 49% tổng số cổ phiếu của một công ty cổ phần đại chúng. Hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 2.98% cổ phần tại Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Từ ngày 01/01/2014, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo Luật số 32/2013/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, theo đó mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mới sẽ là 22%.

Theo thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/BTC/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ DNNN đóng tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty tự xác định được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn 4 năm (2006-2009) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2010-2018).

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

o *Tổ chức tư vấn*

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Trụ sở chính : 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 44043054 Fax: (84-8) 44043085

Website : www.acbs.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở : 10 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 9429 396

Fax : (84-4) 3 9429 408

o *Tổ chức kiểm toán*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THẮNG LONG – T.D.K

Địa chỉ: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6 251 0008 Fax: (84 - 4) 6 251 1327

VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Điều lệ Công ty;
3. Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2012, BCTC Công ty 6 tháng đầu năm 2013;
4. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2012, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013;
5. Các tài liệu có liên quan khác.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN NĂM

NGUYỄN ĐÌNH TỨ

PHẠM NGỌC AN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TỔNG GIÁM ĐỐC 



PHẠM PHÚ KHÔI